

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ THU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ THU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THU SPICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THUS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108613636

3. Ngày thành lập: 14/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Số 6, Ngõ 117 Đường Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
3.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
4.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
5.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
6.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
7.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
8.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
9.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
10.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
11.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
12.	Thu gom rác thải độc hại	3812
13.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu	3830

15.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
16.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
17.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
18.	Khai thác gỗ	0220
19.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,... - Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản... - Khai thác gỗ cảnh, củi.	0231
20.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
21.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
22.	Khai thác dầu thô	0610
23.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ động vật nhà nước cấm)	4620
25.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
26.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
31.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
32.	Sản xuất chè	1076
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
41.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922

43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.	4929
44.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
45.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
50.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
52.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
53.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
55.	Trồng lúa	0111
56.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
57.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
58.	Trồng cây lấy sợi	0116
59.	Trồng cây cà phê	0126
60.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128(Chính)
61.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
62.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
65.	Khai thác quặng sắt	0710
66.	Khai thác muối	0893
67.	Sản xuất đường	1072

68.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
69.	Trồng cây mía	0114
70.	Trồng cây điều	0123
71.	Trồng cây hồ tiêu	0124
72.	Trồng cây cao su	0125
73.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm - Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
74.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
75.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
76.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
77.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
78.	Trồng cây ăn quả	0121
79.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
80.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
81.	Chăn nuôi gia cầm	0146
82.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
83.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
84.	Trồng cây chè	0127
85.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; - Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...	0232
86.	Khai thác thủy sản biển	0311
87.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
88.	Khai thác và thu gom than non	0520
89.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác quặng bôxít - Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
90.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
91.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891

92.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.	0990
94.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
95.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
96.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
97.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
98.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
99.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
100.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
101.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
102.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
103.	Sản xuất cà phê	1077

104.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất súp và nước xuyt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079
105.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
106.	Sản xuất rượu vang	1102
107.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
108.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
109.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
110.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
111.	Bán buôn thực phẩm	4632
112.	Bán buôn đồ uống	4633
113.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
114.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
115.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
116.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719

117.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
118.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản	6820
122.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
123.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
124.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
125.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
126.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
127.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
128.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
129.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
130.	Quảng cáo	7310
131.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG VIỆT	Nhà Số 8, Tổ 18, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	B7246081	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000		
2	PHẠM KIÊN CƯỜNG	Thôn Phương Trung, Xã Phương Chiêu, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	145046632	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000		
3	LẠI NGỌC THANH	Số 487 Ngô Gia Tự, Tổ 9A, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	114.000	1.140.000.000	60,000	001080012831	
			Tổng số	114.000	1.140.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LẠI NGỌC THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001080012831

Ngày cấp: 07/06/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 487 Ngô Gia Tự, Tổ 9A, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6, Ngõ 117 Đường Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội